

# METEOR

Công nghệ TOPCon loại N



Deutsche  
Qualität  
Garantiert

## 610W-630W

CMER-132BDS

23.34%  
hiệu suất tối đa

132  
HALF CELLS

- ◆ Công nghệ tế bào N-type
- ◆ Hiệu suất và công suất đầu ra cao
- ◆ Khả năng mở rộng tiết kiệm chi phí và chiếm ưu thế thị trường
- ◆ Suy giảm thấp và độ bền cao
- ◆ Không suy giảm do ánh sáng hoặc nhiệt độ cao



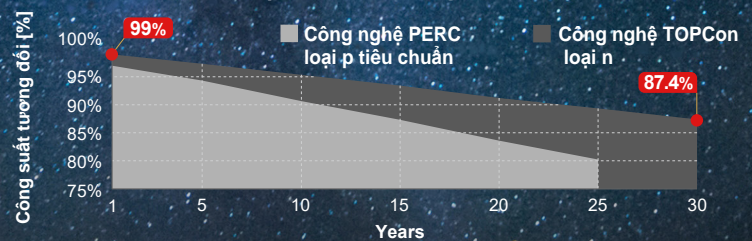
Ver. 25.9.1

30 Năm  
Bảo hành hiệu suất

Lên đến 30 Năm  
Bảo hành sản phẩm

\*Thời gian bảo hành sản phẩm thông thường là 15 năm, vui lòng tham khảo phiên bản mới nhất của Chính sách Bảo hành Hạn chế AESOLAR để biết thời hạn bảo hành trong các điều kiện đặc biệt. Để gia hạn bảo hành, vui lòng liên hệ với nhân viên AESOLAR.

Chính sách bảo hành hiệu suất của chúng tôi



Since 2003



Chống suy giảm do ánh sáng (LID)



Chống suy giảm do hiện tượng PID



Chống ăn mòn muối



Chống bụi cát



Chống ăn mòn amoniac

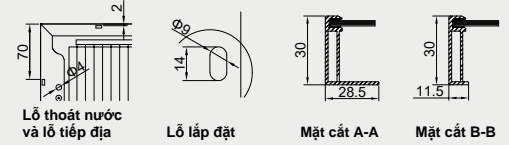
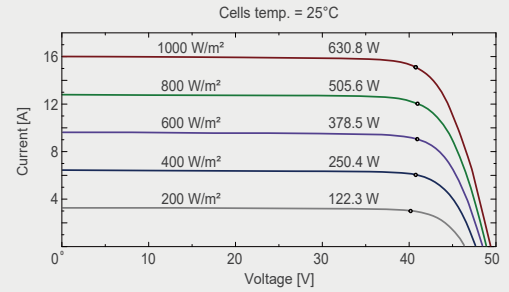
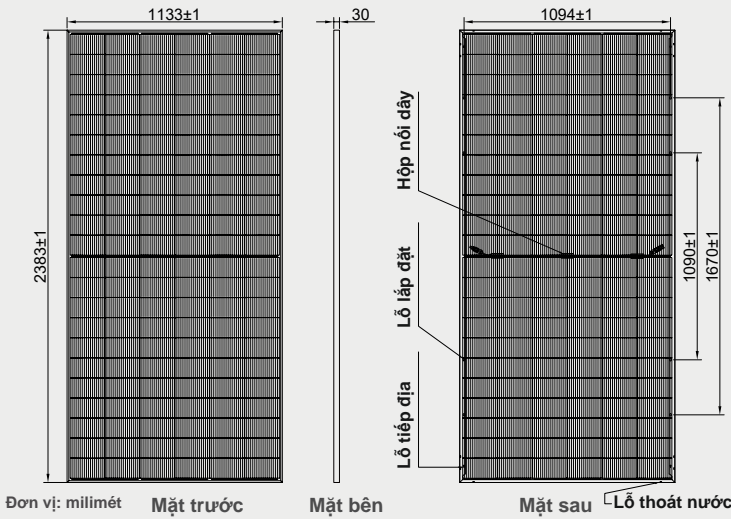


Rất ổn định và bền chắc

# AE CMER-132BDS 610W-630W

Mô-đun quang điện công nghệ TOPCon loại N

Kính đôi hai mặt



## Thông số điện (theo điều kiện STC\*)

Công suất cực đại danh định	$P_{max}$ (Wp)	610	615	620	625	630
Điện áp hoạt động tối đa	$V_{MPP}$ (V)	40.80	41.10	41.40	41.70	42.00
Dòng điện hoạt động tối đa	$I_{MPP}$ (A)	14.95	14.96	14.98	14.99	15.00
Điện áp hở mạch	$V_{oc}$ (V)	49.00	49.30	49.60	49.90	50.20
Dòng điện ngắn mạch	$I_{sc}$ (A)	15.96	15.99	16.03	16.06	16.09
Hiệu suất mô-đun	$\eta$ (%)	22.60	22.79	22.97	23.16	23.34
Sai số công suất	(W)	0~+5				
Điện áp hệ thống tối đa	(V)	1500				
Dòng cầu chì nối tiếp tối đa	(A)	30				

\*STC: Điều kiện thử nghiệm tiêu chuẩn (bức xạ 1000 W/m<sup>2</sup>, nhiệt độ tế bào 25 °C và khối không khí AM1.5), sai số đo Pmax: ±3%

## Thông số điện (theo điều kiện NMOT\*)

Công suất cực đại danh định	$P_{max}$ (Wp)	465	470	475	480	485
Điện áp hoạt động tối đa	$V_{MPP}$ (V)	38.40	38.78	39.16	39.54	39.92
Dòng điện hoạt động tối đa	$I_{MPP}$ (A)	12.11	12.12	12.13	12.14	12.15
Điện áp hở mạch	$V_{oc}$ (V)	44.96	45.35	45.74	46.13	46.52
Dòng điện ngắn mạch	$I_{sc}$ (A)	12.93	12.95	12.98	13.01	13.03

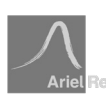
\*NMOT: Nhiệt độ hoạt động danh định của mô-đun (bức xạ 800 W/m<sup>2</sup>, nhiệt độ môi trường 20 °C, khối không khí AM1.5 và tốc độ gió 1 m/s)

## Thông số điện hai mặt

Công suất cực đại mặt trước (Wp)	610	615	620	625	630					
Mặt sau										
Mức tăng công suất	5%	10%	5%	10%	5%	10%	5%	10%	5%	10%
Tổng công suất tương đương (Wp)	641	671	646	676	651	682	656	687	662	693
Hiệu suất mô-đun $\eta$ (%)	23.73	24.86	23.93	25.07	24.12	25.27	24.32	25.47	24.51	25.68

\*Bifacial Gain: Mức tăng công suất bổ sung từ mặt sau so với công suất của mặt trước trong điều kiện thử nghiệm tiêu chuẩn. Mức tăng này phụ thuộc vào cách lắp đặt (kết cấu, độ cao, góc nghiêng, v.v.) và hệ số phản xạ (albedo) của mặt đất.

## Chứng nhận hệ thống và sản phẩm



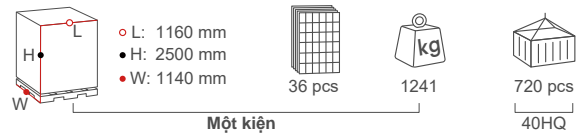
IEC 61215 IEC 61730  
Regular Production Surveillance  
www.tuv.com

IEC 62716 (Ammonia corrosion)  
IEC 61701 (Salt mist corrosion)  
IEC 60068 (Sand and dust)  
IEC 62804 (PID resistance)

## Thông số cơ học và thiết kế

Loại cell	Công nghệ TOPCon loại n, tế bào half-cut
Số lượng cell	132
Hệ số hai mặt	80 ± 5%
Lớp kính mặt trước	Kính 2.0 mm, truyền sáng cao, phủ chống phản xạ (AR), kính cường lực
Lớp phủ bảo vệ	POE
Lớp kính mặt sau	Kính trắng tráng men 2.0 mm, kính cường lực
Hộp nối dây	Đạt chuẩn IP68, có 3 điốt bypass
Khung viền	Hộp kim nhôm anốt hóa dày 30 mm
Cáp (bao gồm đầu nối)	Cáp 1 x 4 mm <sup>2</sup> , dài 350 mm hoặc tùy chỉnh
Đầu nối	MC 4 / MC 4 compatible
Kích thước	2383 mm x 1133 mm x 30 mm
Khối lượng	33.7 kg
Chống mưa đá	Max. Ø 25 mm at 23 m/s
Tải trọng gió	2400 Pa or 244 kg/m <sup>2</sup>
Tải trọng tuyết	5400 Pa or 550 kg/m <sup>2</sup>
Cấp chống cháy	Class A (according to UL 790)

## Thông tin đóng gói



## Giới hạn nhiệt độ hoạt động

Nhiệt độ hoạt động	40 to +85°C
Hệ số nhiệt của Pmax:	-0.29 %/°C
Hệ số nhiệt của Voc	-0.24 %/°C
Hệ số nhiệt của Isc	0.040 %/°C
Nhiệt độ hoạt động của tế bào (NOCT)	43 ± 2°C

Các thông số và đặc tính trong bảng dữ liệu này có thể chênh lệch nhẹ so với sản phẩm thực tế do quá trình phát triển sản phẩm và sai số của thiết bị đo lường. Các thông số được nêu trong bảng dữ liệu có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.



**AESOLAR**

Since 2003

+49 8231 978268 0  
sales@ae-solar.com  
www.ae-solar.com

**AESOLAR**  
Senefelderstraße 23  
86368 Gersthofen, Germany